

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HN&GD-ST

Ngày: 18/02/2019.

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đình Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Nhi, ông Đỗ Văn Chân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/02/2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 456/2018/TLST-HN&GD ngày 24/10/2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXX-ST ngày 18/12/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐHPT-HNGĐ ngày 18/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị V – Sinh năm: 1987 (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm 3, xã TH, huyện TT, tỉnh TB.

Bị đơn: Ông Phạm Văn D – Sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu phố PT, phường TP, thành phố DX, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai đã nộp cho Tòa án và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn – bà Phạm Thị V trình bày:*

Tôi (V) và ông Phạm Văn D đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TT, tỉnh TB vào ngày 07 tháng 02 năm 2013. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa tôi với ông D là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai. Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì giữa tôi và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn. Lý do phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Tôi và ông D đã sống ly thân từ năm 2016. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và ông D không còn

nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nay tôi kính xin Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phạm Văn D.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, tôi và ông Phạm Văn D có 01 người con chung tên Phạm Đình Duy A - Sinh ngày: 07/10/2013. Hiện nay cháu đang sống cùng ông bà nội cháu ở ngoài bắc, tuy nhiên về người trực tiếp nuôi con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Bà Phạm Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai đã nộp cho Tòa án bị đơn ông Phạm Văn D trình bày:*

Tôi (D) và bà Phạm Thị V đã tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TT, tỉnh TB vào ngày 07 tháng 02 năm 2013. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa tôi với bà V là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai.

Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 9/2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Lý do phát sinh mâu thuẫn là do ngày 15/9/2016 tôi quên chúc mừng sinh nhật vợ tôi nên vợ tôi giận tôi, từ đó vợ tôi lạnh nhạt với tôi, tôi gọi điện thoại không nghe máy, nhắn tin thì được một hai lần trả lời. Do vợ chồng tôi cùng qua Nhật Bản làm ăn, lại ở xa nhau nên một năm gặp nhau được hai lần nên ít có cơ hội nói chuyện, gọi điện thoại, nhắn tin vợ không trả lời nên tôi không biết vợ tôi nghĩ gì. Đến tháng 02/2018, do bị bệnh tôi phải về nước sớm nên vợ tôi ở lại Nhật đến tháng 9/2018 mới về nước. Khi vợ tôi về nước tôi đã gặp và hỏi rõ lý do vì sao vợ tôi muốn ly hôn thì vợ tôi nói không còn yêu tôi nữa. Do vẫn còn thương vợ và muốn con có cả cha và mẹ nên tôi đã cố gắng khuyên bảo vợ tôi và còn nhờ cả người thân tác động nhưng vợ tôi vẫn không muốn quay về, không quan tâm tới con, từ ngày vợ tôi đi Nhật (năm 2015) đến nay mới về thăm con được một lần.

Tôi vẫn còn thương vợ tôi và rất muốn vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau nên không đồng ý ly hôn với bà V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, tôi và bà Phạm Thị V có 01 người con chung tên Phạm Đình Duy A - Sinh ngày: 07/10/2013. Nếu ly hôn tôi yêu cầu bà V là người trực tiếp nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con tôi và bà V tự thỏa thuận với nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015 chấp nhận cho bà Phạm Thị V được ly hôn với ông Phạm Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xác định đây là vụ án “*Ly hôn*” do bà Phạm Thị V đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Phạm Văn D cư trú tại khu phố PT, phường TP, thành phố DX, tỉnh BP. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn trong vụ án là bà Phạm Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng do bà V đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà V theo thủ tục chung.

Bị đơn trong vụ án là ông Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã tiến hành triệu tập, niêm yết hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt không đến tham gia phiên tòa nên được xem như ông D đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa án, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà Phạm Thị V cho thấy bà V và ông D tự nguyện chung sống với nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TT, tỉnh TB vào ngày 07 tháng 02 năm 2013. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà V và ông D là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Thời gian đầu bà V và ông D chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì giữa bà V và ông D phát sinh nhiều mâu thuẫn. Lý do phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi việc trong gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Bà V và ông D đã sống ly thân từ năm 2016. Nay bà V xét thấy tình cảm giữa bà V và ông D không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà V xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn D.

Theo lời trình bày của bị đơn ông Phạm Văn D thì ông D thống nhất như lời trình bày của bà V về việc chung sống và kết hôn. Còn về mâu thuẫn giữa ông D và bà V thì từ tháng 9/2016 giữa ông D và bà V bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Lý do phát sinh mâu thuẫn là do ngày 15/9/2016 ông D quên chúc mừng sinh nhật bà V nên bà V giận ông D, từ đó bà V lạnh nhạt với ông D, ông D gọi điện thoại bà V không nghe máy, nhắn tin thì được một hai lần trả lời. Do ông và bà V cùng qua Nhật Bản làm ăn, lại ở xa nhau nên một năm gặp nhau được hai lần nên ít có cơ hội nói chuyện, gọi điện thoại, nhắn tin bà V không trả lời nên ông D không biết bà V nghĩ gì. Đến tháng 02/2018, do bị bệnh ông D phải về nước sớm, đến tháng 9/2018 bà V về nước ông D đã gặp và hỏi rõ lý do vì sao bà V muốn ly hôn thì bà V nói không còn yêu ông D nữa, ông D đã cố gắng khuyên bảo bà V và còn nhờ cả người thân tác động nhưng bà V vẫn không

muốn quay về, không quan tâm tới con. Ông D vẫn còn thương bà V nên không đồng ý ly hôn với bà V.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/12/2018 ông D và bà V thống nhất yêu cầu Tòa án Công nhận thuận tình ly hôn, tuy nhiên ngày 18/12/2018 ông D lại có đơn thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn với bà V.

Hội đồng xét xử xét thấy, tuy ông D có đơn trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn với bà V, Tòa án đã triệu tập ông D hợp lệ để đến tham gia phiên tòa nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án cũng đã khuyên bảo bà V nhiều lần nhưng bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông D, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án ông D cũng thừa nhận từ tháng 9/2016 thì giữa ông D và bà V đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, từ đó bà V lạnh nhạt với ông D, ông D đã cố gắng khuyên bảo bà V và còn nhờ cả người thân tác động nhưng bà V vẫn không muốn quay về, không quan tâm tới chồng con cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị V.

[3] Về con chung:

Bà Phạm Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Phạm Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình có hiệu lực ngày 01/01/2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho bà Phạm Thị V được ly hôn với ông Phạm Văn D.

- *Về con chung*: Bà Phạm Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Phạm Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000665, Quyết số 0014 ngày 24/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước).

Bà Phạm Thị V và ông Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đồng Xoài;
- CCTHADS thành phố Đồng Xoài;
- UBND xã TH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Cao Đình Thành